

Số: 2527/QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 26 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Du lịch tại Tờ trình số 05/TTr-SDL ngày tháng 06/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Sở Du lịch tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC); Bộ VHTTDL;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Báo ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC; VX; NC&KTGS
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (26 TTHC)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-CT ngày 26 tháng 8 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (02 TTHC)**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Du lịch	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
Lĩnh vực Lữ hành (02 TTHC)								
1	Công nhận điểm du lịch.	20 ngày	10 ngày	Sở Du lịch	Không quy định			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.
2	Công nhận khu du lịch cấp thành phố.	45 ngày	15 ngày	Sở Du lịch	Không quy định			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.

						15/12/2017.
7	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	07 ngày làm việc hoặc 13 ngày làm việc trong các trường hợp cụ thể	Sở Du lịch	3.000.000 đ/giấy phép		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
8	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
9	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
10	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh	05 ngày làm việc hoặc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày

	dịch vụ lữ hành nước ngoài	13 ngày làm việc trong các trường hợp cụ thể					25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
11	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	1.500.000 đ/giấy phép			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
12	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	Sở Du lịch	Không quy định			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016.
13	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày làm việc	Sở Du lịch	650.000 đ/thẻ	Mức độ 4	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.

14	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày làm việc	Sở Du lịch	650.000 đ/thẻ	Mức độ 4	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
15	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày làm việc	Sở Du lịch	200.000 đ/thẻ			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
16	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày làm việc	Sở Du lịch	650.000 đ/thẻ	Mức độ 4	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
17	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày	Sở Du	650.000 đ/thẻ (thẻ	Mức độ 4	Nộp hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày

		làm việc	lịch	HĐV du lịch nội địa, quốc tế); 200.000 đ/thẻ (thẻ HĐV du lịch tại điểm)		và trả kết quả	19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019.
18	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày	Sở Du lịch	Không quy định			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017.

II. Lĩnh vực Lưu trú du lịch (01 TTHC)

19	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	30 ngày	Sở Du lịch	1.500.000 đ/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 1, 2 sao; 2.000.000 đ/hồ sơ đề nghị công nhận hạng 3 sao	Mức độ 3		- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
----	--	---------	------------	--	----------	--	---

III. Dịch vụ du lịch khác (05 TTHC)

20	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ			- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày
----	---	---------	------------	-------------------	--	--	--

							30/3/2018.
21	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
22	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
23	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.
24	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	Sở Du lịch	1.000.000 đ/hồ sơ			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017; - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018.